

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/DS-ST

Ngày: 05/6/2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Phượng
2. Ông Đặng Hữu Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 05 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2019/QĐST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Hoàng B, sinh năm: 1953; Địa chỉ: ấp Tân Định, xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm: 1973; Địa chỉ: ấp Phú Hòa, xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Hoàng B và bà Kim Oanh đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 26/02/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Trần Hoàng B trình bày:

Do có quan hệ quen biết với bà Phạm Thị Kim O nên vào ngày 04/5/2017 âm lịch, ông có cho bà O mượn số tiền 35.000.000 đồng, thời gian cho mượn là 04 tháng, tính từ ngày 04/5/2017 âm lịch đến ngày 04/10/2017 âm lịch, lãi suất 3%/tháng. Mục đích bà O mượn tiền là bà O lo chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Sau ngày 04/10/2017 âm lịch, bà O không thực hiện đúng như đã thỏa thuận, không đóng lãi và cũng không trả vốn, ông có đòi nhiều lần nhưng bà O không trả. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc bà O trả cho ông số tiền 35.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày ông khởi kiện tại Tòa án cho đến nay.

Trong bản tự khai ngày 24/5/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Phạm Thị Kim O trình bày:

Thực tế bà không có mượn tiền của ông B như ông B vừa trình bày. Đối với giấy mượn tiền ngày 04/5/2017 âm lịch mà ông B đã nộp cho Tòa án thì bà thừa nhận có ký tên vào giấy này do bà tin tưởng ông B kêu bà ký tên thì bà ký tên. Bà không có đọc lại nội dung giấy mượn tiền trước khi ký tên, bà biết được nội dung giấy mượn tiền là bà có mượn của ông B là 35.000.000 đồng nhưng bà không có nhận số tiền 35.000.000 đồng từ ông B. Nay ông B khởi kiện bà thì bà đồng ý trả cho ông B số tiền 35.000.000 đồng và đồng ý trả lãi theo quy định pháp luật từ ngày 05/10/2017 âm lịch cho đến ngày xét xử thì bà đồng ý.

Tuy nhiên hoàn cảnh bà khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 200.000 đồng cho đến khi dứt nợ do bà không có tài sản, chỉ có thu nhập từ mua bán ve chai, nuôi mẹ già 86 tuổi, 02 con bà có đi lao động bên Nhật Bản nhưng tiền công chỉ đủ trả chi phí lo cho 02 con đi qua Nhật Bản lúc trước. Gia đình bà thuộc diện cận nghèo.

Chồng bà đã chết nên bà đồng ý trả nợ một mình, không yêu cầu người khác cùng có trách nhiệm liên đới.

Tại phiên tòa, bà O cho rằng khi hỏi vay tiền của ông Hoàng B là do ông Nguyễn Văn Trường và bà Nguyễn Thị Kim Chi dẫn dắt bà đi hỏi mượn chứ trước đó bà không có biết ông Hoàng B. Khi ký xong giấy mượn tiền, ông Hoàng B cho rằng không có tiền mặt nên phải đưa tiền sau. Vì tin tưởng bà Chi là chị một mẹ khác cha với bà và ông Trường anh rể nên ông Hoàng B nói để giao tiền cho ông Trường và bà Chi. Thật sự số tiền này bà không có nhận. Tuy nhiên, vì giấy tay do bà ký tên nên bà đồng ý trả số tiền này theo yêu cầu của ông Hoàng B. Bà có yêu cầu Tòa triệu tập ông Trường và bà Chi để làm rõ vấn đề.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Bà O có yêu cầu triệu tập ông Nguyễn Văn Trường và bà Nguyễn Thị Kim Chi với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, ông Trường, bà Chi vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong hồ sơ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy đối với ông Trường, bà Chi chỉ là người giới thiệu cho bà O và ông Hoàng B thực hiện giao dịch hợp đồng vay tài sản chứ ông Trường, bà O không có nhận tiền từ ông Hoàng B. Do đó, ông Trường và bà Chi chỉ là người làm chứng trong vụ án chứ không phải là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Trường hợp ông Trường và bà Chi đã có lời khai và xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Trường, bà Chi.

- Nội dung vụ án: Do có quen biết với nhau nên giữa ông Trần Hoàng B và bà Phạm Thị Kim O có thỏa thuận giao dịch với nhau về việc vay tài sản, cụ thể vào ngày 04/5/2017 âm lịch, ông có cho bà Phạm Thị Kim O mượn số tiền 35.000.000 đồng, thời gian cho mượn là 04 tháng, tính từ ngày 04/5/2017 âm

lịch đến ngày 04/10/2017 âm lịch. Như vậy, căn cứ vào giấy tay nói trên thì bà Phạm Thị Kim O có vay của ông Trần Hoàng B số tiền 35.000.000 đồng là hợp đồng vay tài sản, có kỳ hạn và ông có lãi.

Xét hợp đồng vay tài sản nói trên là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên đương sự không trái với quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên được điều chỉnh theo quy định của Bộ luật dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của phía nguyên đơn là ông Trần Hoàng B là có căn cứ bởi vì trong giấy tay nhận nợ nói trên bà Phạm Thị Kim O đã ký tên, trong nội dung giấy mượn tiền ghi rõ “ Hôm nay ngày 04/5/2017 Al. Tôi tên: Phạm Thị Kim O. Năm sinh: 1973. ĐKKHTT: Thuận Điền Giồng Trôm... Tôi có mượn của: (Anh, chị Ba Anh Trần Hoàng B: ấp Tân Định, xã Tân Thủy, Huyện Ba Tri số tiền là 35.000.000 đồng...)”. Vậy, cần xác định việc bà O có vay của ông B số tiền là 35.000.000 đồng là có căn cứ. Giấy mượn tiền nói trên bà O thừa nhận chữ ký là của bà và bà biết được nội dung giấy tay mượn tiền. Do ông B cho rằng nhiều lần ông có yêu cầu bà O phải đóng lãi cũng như việc trả nợ gốc nhưng bà O không thực hiện. Như vậy, bà O đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ông B, bà O đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông B nên xét yêu cầu của ông B là có cơ sở chấp nhận.

Xét lời trình bày của bà O cho rằng bà chỉ ký vào giấy mượn tiền nhưng thực tế bà không có đọc cũng như bà không có nhận số tiền 35.000.000 đồng của ông B là không có cơ sở chấp nhận. Bà đã thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền là chữ ký của bà thực tế, bà O biết chữ và đủ năng lực hành vi để tham gia giao dịch vay mượn tiền và bà O vẫn biết bà ký tên vào giấy mượn tiền số tiền là 35.000.000 đồng nhưng bà cho rằng bà không có nhận tiền là không chấp nhận được. Mặt khác, bà O cho rằng bà cũng đồng ý trả số tiền này cho ông B nhưng vì hoàn cảnh khó khăn bà xin trả dần mỗi tháng là 200.000 đồng là không phù hợp với quy định của pháp luật và ông B cũng không đồng ý nên bác yêu cầu của bà O.

Xét yêu cầu của bà Kim O về việc triệu tập ông Nguyễn Văn Trường và bà Nguyễn Thị Kim Chi với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà O cho rằng việc nhận số tiền 35.000.000 đồng của ông B là do ông Trường, bà Chi nhận là không có chứng cứ chứng minh, bà O chỉ trình bày miệng, ông Trường, bà Chi không thừa nhận. Tuy nhiên, bà O cũng chỉ yêu cầu đưa ông Trường, bà Chi vào tham gia tố tụng để làm rõ vấn đề chứ cũng không có yêu cầu ông Trường, bà Chi cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ vay cho ông Hoàng B nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về lãi suất: Ông B yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày ông khởi kiện tại Tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đây là hợp đồng vay tài sản không có lãi suất và có thời hạn. Tuy nhiên, đã quá hạn hợp đồng, bà O không thực hiện đúng như thỏa thuận, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nên ông Hoàng B yêu cầu tính lãi là phù hợp. Ông Hoàng B có yêu cầu tính lãi kể từ ngày ông khởi kiện tại Tòa án là ngày 14/3/2019 đến ngày xét xử là có lợi cho bị đơn và bị đơn cũng đồng ý nên chấp nhận. Số tiền lãi được tính cụ thể như sau:

Từ ngày 14/3/2019 đến ngày 05/6/2019 là 02 tháng 22 ngày, lãi suất theo quy định tại Ngân hàng Nhà nước hiện nay là 10,5%/năm = 0,875%/tháng. Số tiền được tính là 35.000.000 đồng x 0,875%/tháng x 02 tháng 22 ngày = 836.400 đồng.

Từ những phân tích trên, buộc bà Phạm Thị Kim O phải có trách nhiệm trả cho ông Trần Hoàng B số tiền nợ gốc là 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*) và 836.400 đồng (*Tám trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm đồng*) tiền lãi. Cộng chung số tiền buộc bà O phải trả cho ông Hoàng B là 35.836.400 đồng (*Ba mươi lăm triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm đồng*).

Về án phí Buộc bà Phạm Thị Kim O có trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 1.791.820 đồng (*Một triệu bảy trăm chín mươi một nghìn tám trăm hai mươi đồng*).

Ông Trần Hoàng B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông B số tiền tạm ứng án phí ông B đã nộp là 1.023.000 đồng (*Một triệu không trăm hai mươi ba nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000288 ngày 13/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 147, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trần Hoàng B về việc yêu cầu bà Phạm Thị Kim O có trách nhiệm trả lại cho ông Trần Hoàng B số tiền vốn vay là 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*) và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày khởi kiện cho đến ngày xét xử.

2. Buộc bà Phạm Thị Kim O có trách nhiệm trả cho ông Trần Hoàng B số tiền là 35.836.400 đồng (*Ba mươi lăm triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Trần Hoàng B đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phạm Thị Kim O chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền như án tuyên thì hàng tháng bà O còn phải trả cho ông B số tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo mức số tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Phạm Thị Kim O có trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 1.791.820 đồng (*Một triệu bảy trăm chín mươi một nghìn tám trăm hai mươi đồng*).

Hoàn lại cho ông Hoàng B số tiền tạm ứng án phí ông B đã nộp là 1.023.000 đồng (*Một triệu không trăm hai mươi ba nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000288 ngày 13/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thế Trang Đền